

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2020

BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC ĐỢT 2

NGÀY LẤY MẪU: 11 THÁNG 8 NĂM 2020

NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH: 19 THÁNG 8 NĂM 2020



Hệ thống CTTL Bắc Hưng Hải

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2020

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2020

BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC ĐỢT 2

NGÀY LẤY MẪU: 11 THÁNG 8 NĂM 2020

NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH: 19 THÁNG 8 NĂM 2020

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

**CƠ QUAN THỰC HIỆN
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG**

PGS.TS Vũ Thị Thanh Hương

Thông tin chung

Nhiệm vụ Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp được Tổng cục Thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và PTNT giao Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường thực hiện. Năm 2020, có 2 đợt lấy mẫu quan trắc chất lượng nước trong hệ thống, với 10 điểm quan trắc và 9 chỉ tiêu phân tích. Trong mỗi đợt lấy mẫu có 01 bản tin kết quả quan trắc hiện trường và 01 bản tin kết quả quan trắc chất lượng nước. Các bản tin được đưa lên websites tại đại chỉ www.chatluongnuocbhh.org.vn và gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả phân tích chất lượng nước đợt 2, lấy mẫu ngày 11/8/2020, nội dung gồm: Kết quả phân tích các chỉ tiêu; kết quả tính chỉ số WQI; kết quả đánh giá chất lượng nước phục vụ SXNN theo các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh và chỉ số WQI, cùng với những khuyến cáo về chất nước khi sử dụng phục vụ SXNN.

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2020

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC ĐỢT 2

1. **Nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong Hệ thống CTTL Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. **Ngày quan trắc:** 11/08/2020

3. **Ngày cung cấp thông tin:** 19/08/2020

4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 10 điểm

5. **Đơn vị thực hiện:** Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường

6. **Người cung cấp thông tin:** PGS.TS. Vũ Thị Thanh Hương - Chủ nhiệm nhiệm vụ

7. **Đơn vị nhận thông tin:** Tổng cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng

I/ KẾT QUẢ QUAN TRẮC CLN TRONG HỆ THỐNG CTTL BẮC HƯNG HẢI (ĐỢT 1)

Bảng 1. Kết quả phân tích chất lượng nước trong hệ thống CTTL Bắc Hưng Hải và chỉ số chất lượng nước VN_WQI (đợt 2)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Nhiệt độ (°C)	pH (-)	DO (mg/l)	BOD ₅ (mg/l)	COD (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	PO ₄ ³⁻ (mg/l)	Coliform (MPN/100ml)	VN_WQI
1	BHH1	Cổng Xuân Quan	28,3	8,38	4,80	4,2	10,3	0,56	0,02	0,42	35.000	38
2	BHH2	Cổng Xuân Thụy	29,1	7,34	1,40	16,8	40,1	7,67	<0,01	3,64	100.000	23
3	BHH4	Cầu Như Quỳnh	29,2	7,08	0,60	17,3	42,6	4,26	<0,01	2,90	21.000	23
4	BHH5	Cổng Kênh Cầu	29,9	6,89	0,90	23,7	55,1	3,53	0,01	1,16	95.000	22
5	BHH62	Cổng Ngọc Đà	28,9	6,93	1,50	18,4	47,6	5,21	0,02	0,67	94.000	23
6	BHH63	Cổng Ngọc Lâm	30,8	6,88	5,00	11,5	32,6	1,79	0,01	0,50	24.000	31
7	BHH64	Cổng Phần Hà	29,7	6,93	2,80	15,2	37,6	1,62	0,01	0,41	17.000	28
8	BHH36	Cổng Bình Lâu	29,9	6,83	1,30	25,8	65,1	4,09	0,03	1,04	100.000	22
9	BHH60	Cổng An Thổ	31,9	6,65	4,10	17,8	45,1	1,01	0,15	0,24	8.100	40
10	BHH61	Cổng Cầu Xe	32,1	6,63	3,90	16,8	40,1	1,74	0,15	0,46	5.400	43
QCVN08-MT:2015/BTNMT B1			-	5,5-9,0	≥4	15	30	0,9	0,05	0,3	7.500	-

Ghi chú: VN_WQI tính theo quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường; áp dụng đối với trường hợp thủy vực cần chú ý đến vấn đề ô nhiễm hữu cơ (nhóm V)

II. ĐÁNH GIÁ CLN TRONG HỆ THỐNG CCTL BẮC HÙNG HẢI THEO CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC VN_WQI (ĐỢT 2)

Bảng 2. Đánh giá CLN theo chỉ số chất lượng nước VN_WQI (đợt 2)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	VN_WQI	Đánh giá chất lượng nước	Màu thể hiện	Khuyến cáo sử dụng
1	BHH1	Cống Xuân Quan	38	Kém	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.
2	BHH2	Cống Xuân Thụy	23	Ô nhiễm nặng	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS. - Cần phải có biện pháp xử lý
3	BHH4	Cầu Như Quỳnh	23	Ô nhiễm nặng	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS. - Cần phải có biện pháp xử lý
4	BHH5	Cống Kênh Cầu	22	Ô nhiễm nặng	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS. - Cần phải có biện pháp xử lý
5	BHH62	Cống Ngọc Đà	23	Ô nhiễm nặng	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS. - Cần phải có biện pháp xử lý
6	BHH63	Cống Ngọc Lâm	31	Kém	Da cam	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS. - Cần phải có biện pháp xử lý
7	BHH64	Cống Phần Hà	28	Kém	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.
8	BHH36	Cống Bình Lâu	22	Ô nhiễm nặng	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS. - Cần phải có biện pháp xử lý
9	BHH60	Cống An Thổ	40	Kém	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.
10	BHH61	Cống Cầu Xe	43	Kém	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.

Ghi chú: Đánh giá theo quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường.

III. ĐÁNH GIÁ CLN TRONG HỆ THỐNG CTTL BẮC HƯNG HẢI THEO CHỈ TIÊU HÓA LÝ VÀ VI SINH (ĐỢT 2)

Bảng 3. Đánh giá CLN trong hệ thống CTTL Bắc Hưng Hải tại các vị trí quan trắc theo các chỉ tiêu hóa lý và vi sinh (đợt 2)

TT	KH mẫu	Hệ thống/trạm đo	Mục đích giám sát	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
1	BHH1	Cổng Xuân Quan	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ cống Xuân Thụy	2 chỉ tiêu + PO_4^{3-} : 1,40 lần; + Coliform: 4,67 lần	- Nước bị ô nhiễm nhẹ. - Có thể lấy nước phục vụ cho SXNN, nhưng không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Trường hợp sử dụng để cấp nước sinh hoạt cần chú trọng xử lý vi sinh.
2	BHH2	Cổng Xuân Thụy (tưới tiêu kết hợp)	- Kiểm tra nước sông Cầu Bậy trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm.	6 chỉ tiêu: + DO dưới 2,86 lần; + BOD ₅ : 1,12 lần; + COD: 1,34 lần; + NH_4^+ : 8,52 lần; + PO_4^{3-} : 12,13 lần; + Coliform: 13,33 lần	- Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng - Không nên sử dụng nước cho SXNN, NTTS. - Không mở cống Xuân Thụy xả ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN;
3	BHH4	Cầu Như Quỳnh (tưới tiêu kết hợp):	- Kiểm tra nước sông Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang	6 chỉ tiêu: + DO dưới 6,67 lần; + BOD ₅ : 1,15 lần; + COD: 1,42 lần; + NH_4^+ : 4,73 lần; + PO_4^{3-} : 9,67 lần; + Coliform: 2,80 lần	- Nước bị ÔN nghiêm trọng. - Không nên sử dụng nước cho SXNN, NTTS - Tạm dừng lấy nước qua TB Như Quỳnh. - Tăng cường lấy nước bổ sung từ sông Đuống qua trạm bơm Phú Mỹ và các cống dưới đê.
4	BHH5	Cổng Kênh Cầu (Tưới tiêu kết hợp):	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long	6 chỉ tiêu: + DO dưới 4,44 lần; + BOD ₅ : 1,58 lần; + COD: 1,84 lần; + NH_4^+ : 3,92 lần; + PO_4^{3-} : 3,87 lần;	- Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng. - Không nên sử dụng nước cho SXNN, NTTS. - Tăng cường lấy nước qua cống Xuân Quan và gạn tháo thay nước.

TT	KH mẫu	Hệ thống/trạm đo	Mục đích giám sát	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
			Biên xả qua cống Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đình Dù ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo	+ Coliform: 12,67 lần	
5	BHH62	Cống Ngọc Đà (cống tiêu)	- Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đình Dù. - Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ.	6 chỉ tiêu: + DO dưới 2,67 lần; + BOD ₅ : 1,23 lần; + COD: 1,59 lần; + NH ₄ ⁺ : 5,79 lần; + PO ₄ ³⁻ : 2,23 lần; + Coliform: 12,53 lần	- Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng. - Không nên sử dụng nước cho SXNN, NTTS - Không nên mở cống Ngọc Đà xả ra sông Đình Dù vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN.
6	BHH63	Cống Ngọc Lâm (Tưới tiêu kết hợp)	- Kiểm tra nước sông Cầu Lương trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lương ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên).	4 chỉ tiêu: + COD: 1,09 lần; + NH ₄ ⁺ : 1,99 lần; + PO ₄ ³⁻ : 1,67 lần; + Coliform: 3,20 lần	- Nước bị ÔN nhẹ. - Có thể cấp nước phục vụ cho SXNN. - Nên xử lý nước qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho NTTS.
7	BHH64	Cống Phần Hà (tưới tiêu kết hợp)	- Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Nối, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên).	6 chỉ tiêu: + DO dưới 1,43 lần; + BOD ₅ : 1,01 lần; + COD: 1,25 lần; + NH ₄ ⁺ : 1,80 lần; + PO ₄ ³⁻ : 1,37 lần; + Coliform: 2,27 lần	- Nước bị ÔN nhẹ. - Có thể cấp nước phục vụ cho SXNN. - Nên xử lý nước qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho NTTS.
8	BHH36	Cống Bình Lâu (cống tiêu)	Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	6 chỉ tiêu: + DO dưới 3,08 lần; + BOD ₅ : 1,72 lần; + COD: 2,17 lần; + NH ₄ ⁺ : 4,54 lần;	- Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng. - Không sử dụng nước cho SXNN và NTTS - Không mở cống Bình Lâu xả ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước

TT	KH mẫu	Hệ thống/trạm đo	Mục đích giám sát	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
				+ PO ₄ ³⁻ : 3,47 lần ; + Coliform: 13,33 lần	phục vụ SXNN
9	BHH60	Cống An Thổ (tưới tiêu kết hợp)	Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	5 chỉ tiêu: + BOD ₅ : 1,19 lần; + COD: 1,50 lần; + NH ₄ ⁺ : 1,12 lần; + NO ₂ ⁻ : 3,00 lần ; + Coliform: 1,08 lần	- Nước bị ÔN nhẹ. - Có thể cấp nước phục vụ SXNN - Nên xử lý nước qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho NTTS
10	BHH61	Cống Cầu Xe (tưới tiêu kết hợp)	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	6 chỉ tiêu: + DO dưới 1,03 lần; + BOD ₅ : 1,12 lần; + COD: 1,34 lần; + NH ₄ ⁺ : 1,93 lần; + NO ₂ ⁻ : 3,00 lần ; + PO ₄ ³⁻ : 1,53 lần ;	- Nước bị ÔN nhẹ. - Có thể cấp nước phục vụ SXNN - Nên xử lý nước qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho NTTS

Ghi chú: QCVN08-MT:2015/BTNMT cột B1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2020

Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường